

Bản án số: 608/2024/DS-PT  
Ngày 12 tháng 8 năm 2024  
“V/v tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Vương Minh Tâm

Ông Ngô Mạnh Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2230/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Hung Kim N** (Tên gọi khác: **Nguyễn Kim H<sup>1</sup>**, **Nguyen Kim H<sup>1</sup>**), sinh năm 1953 - Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 4303 Lamarre Dr Fairfax VA 22030, Hoa Kỳ;

*Người đại diện hợp pháp của ông Hung Kim Nguyen:* Ông Nguyễn Thới H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 265/7/25 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền được Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ hợp pháp hóa ngày 12/6/2023) – Có mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hung Kim N:* Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 1004/3 Nguyễn Duy Trinh, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Yên N<sup>1</sup>**, sinh năm 1991 - Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 403, ấp Căn Cứ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;

3. *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thới H là người đại diện hợp pháp của ông Hung Kim N;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình quyết vụ án, nguyên đơn ông Hung Kim N và người đại diện hợp pháp của ông trình bày:*

Ông Hung Kim N là người Việt Nam định cư tại Hoa Kỳ, sau một thời gian làm quen, tìm hiểu, phát sinh tình cảm thì ông với bà Nguyễn Thị Yên N<sup>1</sup> quyết định sẽ đăng ký kết hôn và hồi hương về Việt Nam sinh sống.

Để chuẩn bị cho cuộc sống hôn nhân sau này, từ năm 2017 đến ngày 18/3/2021, thông qua các dịch vụ kiều hối, ông đã gửi cho bà N<sup>1</sup> 81.300 USD (tỷ giá 23.000 đồng/USD, tương đương 1.869.900.000 đồng) và đưa tận tay 53.000.000 đồng. Tổng cộng 1.922.900.000 đồng. Mục đích gửi tiền là để sửa chữa căn nhà tại số 403, ấp Căn Cứ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và mua sắm các thiết bị trong nhà theo yêu cầu của bà N<sup>1</sup>. Ngoài ra, trong thời gian quen biết, ông còn gửi cho bà N<sup>1</sup> tổng cộng 15 thùng quà sản phẩm tiêu dùng và sản phẩm dành cho phụ nữ. Ngày 25/3/2021, bà N<sup>1</sup> đột nhiên cắt đứt mọi liên lạc với ông, làm cho hôn nhân giữa ông với bà N<sup>1</sup> không thành.

Ông Hung Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N<sup>1</sup> phải hoàn trả lại cho ông tổng cộng là 1.922.900.000 đồng mà ông đã gửi về để chuẩn bị cho cuộc sống hôn nhân. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu số tiền 752.100.000 đồng (tiền sửa chữa nhà 403 ấp Căn Cứ), chỉ còn yêu cầu Tòa án buộc bà N<sup>1</sup> phải trả cho ông Hung Kim N 1.224.750.000 đồng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Yên N<sup>1</sup> cùng người đại diện hợp pháp của bà trình bày:*

Qua mai mối, bà quen biết với ông H<sup>1</sup> (Hung Kim N) năm 2018 và gặp nhau năm 2019. Ông H<sup>1</sup> ở Mỹ có gửi tiền, quà về cho bà để bà làm từ thiện và tiêu xài cá nhân. Việc ông H<sup>1</sup> chuyển tiền cho bà là do ông H<sup>1</sup> tự nguyện tặng cho, hoàn toàn không ràng buộc điều kiện gì, bà cũng không vay mượn tiền của ông H<sup>1</sup>. Trong thời gian quen nhau thì ông H<sup>1</sup> có về Việt Nam 04 lần, những lần về Việt Nam thì ông H<sup>1</sup> sử dụng tiền đã gửi cho bà để sử dụng vào việc đi thăm, tặng tiền cho bà con của ông H<sup>1</sup> và đi du lịch. Khoảng tháng 3 năm 2021 thì bà và ông H<sup>1</sup> ngừng liên lạc và từ tháng 4 năm 2021 ông H<sup>1</sup> không còn gửi tiền về nữa. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H<sup>1</sup>.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:*

Căn cứ các điều 120, 166, 457, 458, 462 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 26, 37, 39, 91, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Xử:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hung Kim N (Nguyễn Kim H<sup>1</sup>, Nguyen Kim H<sup>1</sup>) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> về việc đòi lại tài sản số tiền là 1.224.750.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn đình chỉ giải quyết đối với phần ông Hung Kim N (Nguyễn Kim H<sup>1</sup>, Nguyen Kim H<sup>1</sup>) rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 752.100.000 đồng; quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2024, người đại diện hợp pháp của ông Hung Kim N là ông Nguyễn Thới H có đơn kháng cáo yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> phải trả lại cho ông Hung Kim N 1.224.750.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Ông Nguyễn Thới H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> phải trả lại cho ông Hung Kim N số tiền USD quy ra tiền Việt Nam là 1.224.750.000 đồng, vì đây là tiền ông Hung Kim N gửi về cho bà N<sup>1</sup> để chăm lo cuộc sống hôn nhân sau này giữa hai người, nhưng nay không kết hôn thì bà N<sup>1</sup> phải trả lại.

Ông Nguyễn Thanh L đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông H đại diện cho ông Hung Kim N. Do ông Hung Kim N sử dụng tên của người khác để gửi tiền cho bà N<sup>1</sup> qua Ngân hàng Nam Á nên không thể hiện tên người gửi tiền là ông Hung Kim N, vì lòng tự trọng nên ông Hung Kim N mới rút khởi kiện đối với các lần gửi tiền qua Ngân hàng Nam Á. Số tiền còn lại có chứng cứ biên lai gửi tiền đầy đủ, bà N<sup>1</sup> thừa nhận có nhận tiền nên trách nhiệm chứng minh số tiền bà N<sup>1</sup> nhận là do được tặng cho, nhưng bà N<sup>1</sup> không có chứng cứ chứng minh được ông Hung Kim N cho tiền. Vì vậy đề nghị chấp nhận kháng cáo, buộc bà N<sup>1</sup> phải trả tiền lại cho ông Hung Kim N 1.224.750.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ; về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Trong văn bản ủy quyền, ông Hung Kim N có ủy quyền cho ông Nguyễn Thới H đại diện cho đến khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thới H đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> trực tiếp nhận giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại Điều 26, Điều 37 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Ông Hung Kim N yêu cầu bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> trả lại cho ông số tiền 1.224.750.000 đồng (quy đổi từ USD) mà ông đã gửi về cho bà N<sup>1</sup> từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 3 năm 2021 để chuẩn bị cuộc sống hôn nhân sau này, nhưng nay hôn nhân không thành nên ông đòi lại.

Bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> không đồng ý trả lại tiền cho ông Hung Kim N vì đây là tiền ông Hung Kim N tự nguyện tặng cho bà.

[4] Ông Hung Kim N và bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> đều thừa nhận có quan hệ tình cảm nam nữ với nhau từ năm 2018 đến tháng 3 năm 2021 thì chấm dứt.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện từ năm 2017 đến tháng 3 năm 2021, ông Hung Kim N chuyển tiền về Việt Nam cho bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> tổng cộng 73 lần với tổng số tiền 81.300 USD (quy tỷ giá 23.000 đồng/USD) trị giá 1.869.900.000 đồng và đưa tiền mặt 53.000.000 đồng, tổng cộng 1.922.900.000 đồng. Ông Hung Kim N rút yêu cầu khởi kiện số tiền 752.100.000 đồng (các số tiền gửi qua Ngân hàng Nam Á), còn lại 1.224.750.000 đồng.

[5] Tuy trong các chứng từ chuyển tiền đều không có nội dung ông Hung Kim N gửi tiền cho bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> quản lý để chuẩn bị cuộc sống hôn nhân giữa hai người, nhưng thực tế hai người có quan hệ tình cảm, dự định tiến đến hôn nhân, việc gửi tiền về cho bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> kéo dài trong nhiều năm từ năm 2017 đến tháng 3 năm 2021 đã gửi tiền đến 73 lần. Do đó có cơ sở để xác định ông Hung Kim N gửi tiền cho bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> để chuẩn bị cuộc sống của hai người và do vậy mặc dù bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> không cung cấp được chứng cứ chứng minh các số tiền bà đã nhận của ông Hung Kim N là do được cho tặng, nhưng có căn cứ để xác định ông Hung Kim N đã tặng cho bà

Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> ½ số tiền này. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hung Kim N, sửa Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp một phần.

**[6] Án phí:**

**[6.1]** Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

- Ông Hung Kim N là người cao tuổi nên được miễn;
- Bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> phải chịu trên số tiền phải trả 612.375.000 đồng với số tiền án phí là 28.495.000 đồng.

**[6.2]** Ông Hung Kim N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

**[7]** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết đối với số tiền 752.100.000 đồng; về chi phí tố tụng, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**2.** Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hung Kim N (do ông Nguyễn Thới H đại diện); Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hung Kim N (Nguyễn Kim H<sup>1</sup>, Nguyen Kim H<sup>1</sup>);

Buộc bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> trả cho ông Hung Kim N (Nguyễn Kim H<sup>1</sup>, Nguyen Kim H<sup>1</sup>) số tiền là 612.375.000 đồng (*Sáu trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

**3. Án phí:**

**3.1.** Ông Hung Kim N được miễn án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

**3.2.** Bà Nguyễn Thị Yến N<sup>1</sup> phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 28.495.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

**4.** Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết đối với số tiền 752.100.000 đồng; về chi phí tố tụng, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (15b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**